

# TIẾNG TÂY BAN NHA – MỞ ĐẦU

Sưu tầm và biên soạn: Nguyễn Bá Anh

[www.ngbaanh.wordpress.com](http://www.ngbaanh.wordpress.com)

Phiên bản: 1.1 – ngày 12 tháng 10 năm 2015

Tài liệu này dành cho trình độ vỡ lòng, mới bắt đầu (chính bản thân mình cũng đang ở cấp độ này) nên phần kiến thức sẽ được diễn giải theo kiểu chia sẻ cho nhau biết, nếu muốn có kiến thức chuyên sâu thì các bạn nên tìm một trung tâm hoặc gia sư nào đó để tu luyện thêm.

## I. HƯỚNG DẪN PHÁT ÂM

Mỗi chữ cái trong bảng chữ cái sẽ có quy tắc đọc **cố định và nhất quán** (khá giống với Tiếng Việt), điều này giúp cho quá trình phát âm đỡ vất vả và rất nhiều so với một số ngôn ngữ như tiếng Anh hoặc tiếng Bồ Đào Nha. Quy tắc đọc cơ bản là ghép các âm của một từ lại với nhau, không cần phải ghi nhớ phát âm từng từ một cách nhọc nhằn như tiếng Anh. Cũng như các ngôn ngữ khác, bộ chữ cái tiếng TBN sẽ được chia thành các nguyên âm và phụ âm. Sau đây sẽ đi lần lượt 2 nhóm âm này.

### 1. NGUYÊN ÂM

Nguyên âm được **phát âm rõ, dứt khoát, thời gian đọc ngắn**, không cần phải thêm một số thao tác thừa thãi như chặn hơi, luyến láy gì cả. Đây là một điểm tiến bộ của tiếng TBN.

| Chữ Cái              | Âm phát ra   | Ví dụ  |
|----------------------|--|--|
| <b>A</b>             | 100% như chữ a của tiếng Việt (giọng Bắc bộ). Tương đương âm khi đọc chữ <b>a</b> trong <i>father</i> của tiếng Anh  | La casa (la-ca-xà), la tapa (la-ta-pà), Panamá, Canadá   |
| <b>E</b>             | Cơ bản đọc là ê như tiếng Việt, một số địa phương đọc e nhưng không nhiều  | Elefante (ê-lê-phan-tê), come (cô-mê), vive (bi-Bê), verde (bê-rĐê), que (kê)<br>Pero (pê-rô), es (ê-x), hotel (ô-têl) |
| <b>I</b>             | 100% như chữ i ngắn của tiếng Việt   | Sí (xi), cine (xi-nê), comida (cô-mi-đa)   |
| <b>O</b>             | 100% như chữ ô của tiếng Việt<br><b>Không</b> đọc thành o trong tiếng Việt   | Oso (ô-xô), otro (ôtr-rô), hospital (ô-xpi-tal)<br>Doctor (đôc-tô-r), professor (prô-phê-xô-r)                         |
| <b>U</b><br><b>Ü</b> | 100% như chữ u của tiếng Việt<br>Chú ý chữ u sẽ bị câm khi ở vắn GUE (ghê), GUI (ghi). Muốn <b>bảo toàn</b> âm u lúc này ta phải thêm dấu ̄ lên trên thành <b>ü</b> , GÜE (gu-ê), GÜI (gu-i) | Uno (u-nô), tú (tu), puro (pu-rô)<br>Guerra (ghê-rrà), guitarra (ghi-ta-rrà)<br>Agüero (a-gu-ê-rô), güira (gu-i-rà)    |
| <b>Y</b>             | Đọc như chữ i, chữ y dài này ít dùng hơn chữ i ngắn nhiều  | Y (i), soy (xôi), hay (ai)   |

## 2. PHỤ ÂM

Đặc điểm chung của tất cả các phụ âm này là đọc rất nhẹ nhàng như tiếng Việt, không cần phải bật hơi mạnh như tiếng Anh, nói chung là ai biết tiếng Anh vui lòng đừng áp dụng mấy quy tắc phát âm bên đó vào đây.

| Chữ Cái              | Âm phát ra  | Ví dụ  |
|----------------------|---|--|
| <b>B</b><br><b>V</b> | Cặp chữ cái này ghi khác nhau nhưng thực ra lại là một mà thôi. Khi ở <b>đầu từ</b> hoặc <b>sau l, m, n</b> thì đọc cứng như chữ b của tiếng Việt, còn lại đọc mềm thành β (chữ B mềm, đọc bằng cách mím 2 môi lại với nhau rồi nhả ra, nếu khó quá thì đọc thành B cứng, không đọc thành V, <b>âm V không tồn tại trong tiếng TBN!</b> ) | Baño (ba-nhò), burro (bu-rrò), embargo (êm-ba-rgò), alba (al-bà)<br><br>El vino (el-bi-nò), el voto (el-bô-tò), invierno (in-bi-ê-rnò), vamos (ba-mô-x)<br><br>Cuba (cu-Ba), la boca (la-Bô-cà), Havana (a-Ba-nà), la vaca (la-Ba-cà)<br><br><i>Chú ý mình kí hiệu B in hoa cho âm β</i> |
| <b>C</b>             | Có 02 âm<br><br>Cứng: Đọc như c hoặc k của tiếng Việt khi nó ở <b>trước a, o, u</b><br>Mềm: Đọc như x (ở TBN thì là th) của tiếng Việt khi ở <b>trước e, i</b>  | Camisa (ca-mi-xà), color (cô-lô-r), concreto (côn-crê-tò)<br><br>Centavo (xên-ta-Bô hoặc thên-ta-Bô), cita (xi-tà hoặc thi-tà), cinco (xin-cô hoặc thin-cô)  |
| <b>CH</b>            | Như chữ ch của tiếng Việt (giọng Trung/Nam bộ, không xát lưỡi)  | Chocolate (chô-cô-la-tê), chorizo (chô-ri-xô hoặc chô-ri-thô)  |
| <b>D</b>             | Có 02 âm<br><br>Cứng: Đọc như đ của tiếng Việt, khi ở <b>đầu từ</b> , hoặc <b>sau l, n</b><br>Mềm: Đọc đớt như ð của tiếng Anh (trong <i>this, that</i> ) cho các trường hợp còn lại  | Donde (đôn-đê), falda (phal-đà), conde (côn-đê)<br><br>Boda (bô-Đà), poder (pô-Đê-r), verdad (Bê-rĐàĐ), nada (na-Đà), cada (ca-Đà), estudio (ê-xtu-Đi-ò)<br><br><i>Chú ý mình kí hiệu Đ in hoa cho âm ð</i>  |
| <b>F</b>             | Như chữ ph của tiếng Việt   | Future (phu-tu-rê), fila (phi-là), oficina (ô-phi-xi-nà hoặc ô-phi-thi-nà)   |
| <b>G</b>             | Có 02 âm<br><br>Cứng: Đọc như chữ g tiếng Việt khi ở trước <b>a, o, u</b><br>Mềm: Đọc như chữ kh tiếng Việt khi ở <b>trước e, i</b> (các nước Mỹ latin đọc thành h thay vì kh)  | Gato (ga-tò), gusto (gu-xtò), grande (gran-đê)<br><br>Genio (khê-ni-ò hoặc Hê-ni-ò), generoso (khê-nê-rô-sô hoặc hê-nê-rô-xô), gitano (khi-ta-nô hoặc hi-ta-nô)  |
| <b>H</b>             | Âm câm, khi gặp chữ cái này ta coi như nó chưa từng xuất hiện   | Hombre (ôm-brê), hasta (a-xtà), hablar (a-Bla-r)   |

|           |   |  |
|-----------|---|--|
| <b>J</b>  | Tương tự chữ G mềm: Đọc như chữ kh tiếng Việt khi ở trước bất kì nguyên âm nào (và tất nhiên các nước Mĩ latin lại đọc thành h thay vì kh)  | Juan (Khu-an <i>hoặc</i> Hu-an), ojo (ô-khồ <i>hoặc</i> ô-hồ), mujer (mu-khê-r <i>hoặc</i> mu-hê-r)  |
| <b>K</b>  | Tương tự chữ C cứng khi ở trước bất cứ nguyên âm nào, tuy nhiên nó lại ít dùng, chỉ dùng cho những từ mượn  | Kayak (kai-ăc), kilómetro (ki-lô-mê-tr-rồ), kiwi (ki-uy)   |
| <b>L</b>  | Như chữ l của tiếng Việt, như nó ở đầu hoặc giữa thì hạ lưỡi xuống khi đọc, khi nó ở cuối thì nâng lưỡi lên   | Palo (pa-lồ), el (el), hotel (ô-têl), mil (mil)<br><i>Nhớ nâng lưỡi, không đọc thành n, u hay ô gi nhé</i>   |
| <b>LL</b> | Chữ LL kép đi với nhau thì đọc như chữ D trong tiếng Việt (giọng Nam bộ). Nó tương đương chữ y tiếng Anh trong từ <i>you</i> . Một số địa phương đọc thành âm 3 nhưng không nhiều | Caballo (ca-Ba-dồ), bello (bê-dồ), llave (da-Bê)<br><i>Lưu ý không đọc chữ d giọng Bắc bộ hay Trung bộ (vì bị lẫn sang chữ gi mất rồi). Bí quá thì tách nó thành chữ Y đọc thật nhanh: bello (bê-yồ)</i> |
| <b>M</b>  | Như chữ m của tiếng Việt  | Menos (mê-nô-x), cama (ca-mà), marrón (ma-rrôn)  |
| <b>N</b>  | Như chữ n của tiếng Việt  | Nota (nô-tà), nación (na-xi-ôn <i>hoặc</i> na-thi-ôn), nariz (na-ri-x)   |
| <b>Ñ</b>  | Như chữ nh của tiếng Việt<br>Quá sức may mắn, chỉ vài ngôn ngữ mới có âm này :D   | Mañana (ma-nha-nà), España (ê-xpa-nhà), señor (xê-nhô-r)   |
| <b>P</b>  | Như chữ p của tiếng Việt<br>Chú ý không lẫn sang chữ B bò (tuyệt đối không!)  | Papel (pa-pêl), persona (pê-rxô-nà), pobre (pô-Brê)  |
| <b>Q</b>  | Luôn đi kèm U tạo thành QU (tiếng Việt mượn của người ta đây mà)<br>Đọc như c/k trong tiếng Việt  | Quito (ki-tồ), queso (kê-xồ), equipo (ê-ki-pồ)<br><i>Q chỉ gặp ở nhóm QUI hoặc QUE mà thôi</i>   |
| <b>R</b>  | Đọc nhẹ không rung như chữ R trong tiếng Việt (giọng Trung bộ)<br>Khi R ở đầu hoặc âm tiết chứa R được nhấn <b>trọng âm</b> , hoặc R ở sau l, n, s đọc như RR                     | Caro (ca-rồ), barato (ba-ra-tồ), para (pa-rà), hablar (a-Bla-r)<br>Rosa (rrô-xà), el río (el-ri-rồ), Enrique (ên-ri-rồ), las rosas (la-x-rrô-xa-x)   |
| <b>RR</b> | Đây là âm khó cho đa số người Việt. Làm sao môi và cổ họng không rung nhưng đầu lưỡi phải rung được 3 lần trong tích tắc.   | Perro (pê-rrồ), horrible (ô-ri-Blê), carro (ca-rrồ)<br><i>Yếu quyết: Chạm nhẹ đầu lưỡi lên mặt sau hàm răng trên, khi đọc phải hạ hàm dưới xuống và giữ nguyên như thế đến khi phát âm xong</i>          |

|          |  |  |
|----------|--|--|
| <b>S</b> | Như chữ x của tiếng Việt,<br>Lưu ý không nhầm qua chữ s nặng                 | Sopa (xô-pà), sala (xa-là), blusa (blu-xà)   |
| <b>T</b> | Như chữ t của tiếng Việt: đọc ngắn,<br>nhanh, không bật hơi mạnh             | Torta (tô-rtà), talento (ta-lên-tồ), tesoro (tê-xô-rồ)   |
| <b>V</b> | Xem B  | ⊗ Tiếng TBN không có âm V  |
| <b>W</b> | Chỉ dùng cho từ mượn nước ngoài. Đọc<br>theo kiểu của thứ tiếng được mượn đó | ⊗ W không phải là 1 phần tử trong bộ chữ cái<br>của tiếng TBN  |
| <b>X</b> | Khi ở giữa 2 nguyên âm thì đọc như J<br>Còn lại là sự kết hợp của K và S     | Examen (ê-kha-mên hoặc ê-ha-mên), México<br>(mê-khi-cô hoặc mê-hi-cô), experto (êk-spê-<br>rtồ),   |
| <b>Y</b> | Giống hệt LL   | Papaya (pa-pa-da), ayer (a-dê-r)   |
| <b>Z</b> | Như chữ x của tiếng Việt<br>Ở Tây Ban Nha thì đọc thành th                   | Azul (a-xul hoặc a-thul), brazo (bra-xồ hoặc<br>bra-thồ), luz (lu-x)<br>Chú ý tiếng TBN <b>không bao giờ</b> có tổ hợp ZI,<br>ZE (là nguyên nhân cho mục II.3.a) |

## II. TRỌNG ÂM, ĐÁNH DẤU TRỌNG ÂM, ĐÁNH VẦN

### 1. TRỌNG ÂM TỰ NHIÊN

Mỗi một từ luôn có trọng âm tại âm tiết nào đấy, thông thường các từ ngắn sẽ có 01 trọng âm. Việc đặt trọng âm sẽ làm cho việc phát âm được thuận tiện khi đặt từ vào câu và tạo âm điệu cho câu nói. Tiếng TBN nổi tiếng về sự ổn định của các quy tắc chính tả, và trọng âm cũng vậy, sau đây là một số quy tắc cần phải nhớ:

Những từ mà kết thúc bởi một nguyên âm (**a, e, i, o, u**) hoặc phụ âm **n** hoặc **s** thì có trọng âm rơi vào **âm tiết kè cuối**:

- Cucaracha (cu-ca-rra-chà, *nhớ là r được nhấn phải đọc thành rr nhé*)
- Mañana (ma-nha-nà)
- Triste (tr-ri-xtê)

Những trường hợp khác bên trên thì trọng âm rơi vào **âm tiết cuối cùng**:

- Salud (xa-luĐ)
- Cantar (can-ta-r)
- Nariz (na-ri-x)

### 2. ĐÁNH DẤU TRỌNG ÂM

Khi một từ không tuân theo trọng âm tự nhiên như bên trên, thì muốn thể hiện sự ngoại lệ đó người ta đánh dấu trọng âm lên bên trên nguyên âm trong âm tiết cần đặt trọng âm. Xem các ví dụ sau (chú ý đây không phải dấu sắc trong tiếng Việt, xin đừng nhầm lẫn)

- Teléfono (tê-lê-phô-nô)
- Lámpara (lam-pà-rà)
- Música (mu-xì-cà)

Nếu từ chỉ có 01 âm tiết mà lại có dấu trọng âm bên trên thì điều ấy nói rằng **có từ đồng âm khác nghĩa** với nó, việc viết lên trên **chỉ để phân biệt phát âm** trong văn viết mà thôi.

- El (êl) : (mạo từ xác định)      Él (êl) : anh ta
- Si (xi) : nếu      Sí (xi) : vâng, có
- Se (xê) : (từ phản thân)      Sé (xê) : (tôi) biết

Nếu từ có 02 âm tiết mà có viết trọng âm mà chỗ đặt trọng âm đó lại trùng với trọng âm tự nhiên, điều ấy nói rằng nó **có từ đồng âm khác nghĩa** với nó

- Este (ê-xtê) : ở đây      éste (ê-xtê) : cái này
- Ese (ê-xê) : ở kia      ése (ê-xê) : cái kia

Đại từ nghi vấn mà có dấu trọng âm thì không ảnh hưởng đến phát âm

- ¿qué? (kê) : cái gì?      ¿cómo? (cô-mồ) : như thế nào?
- ¿quién? (ki-ên) : ai?      ¿por qué? (pô-rkê) : tại sao?
- ¿dónde? (đôn-đề) : ở đâu?      ¿cuál? (cu-al) : cái nào?

### 3. BIẾN ÂM

Tiếng TBN đặc biệt linh động về mảng chia từ, do đó khi cắt ghép sẽ xảy ra tình trạng biến đổi các con chữ (do một vài chữ cái có nhiều cách phát âm khác nhau khi đi với những chữ cái nhất định). Do vậy để hạn chế tối đa sự hỗn loạn này, biến âm ra đời nhằm giữ cho các từ đúng với các quy tắc.

#### A. Z »» C

Các danh từ và tính từ mà kết thúc bởi chữ cái Z thì phải chuyển về C khi vào dạng số nhiều. Quy tắc này loại bỏ được tổ hợp vô lí ZE vốn không tồn tại trong chính tả tiếng TBN.

- El lápiz (êl-la-pi-x)      Los lápices (lô-xla-pi-xê-x hoặc lô-xla-pi-thê-x)
- La nariz (la-na-ri-x)      Las narices (la-xna-ri-xê-x hoặc la-xna-ri-thê-x)
- Feliz (phê-li-x)      Felices (phê-li-xê-x hoặc phê-li-thê-x)

Z đứng trước a hoặc o bị biến thành C khi ở trước e hoặc i vào sau nó. Cái này loại trừ được tổ hợp vô lí ZE và ZI.

- Comienza (cô-mi-ên-xà hoặc cô-mi-ên-thà)      comience (cô-mi-ên-xê hoặc cô-mi-ên-thề)
- Empiezo (êm-pi-ê-xồ hoặc êm-pi-êm-thồ)      empiece (êm-pi-ê-xề hoặc êm-pi-êm-thề)

#### B. CÁC BIẾN ĐỔI KHÁC

Tất cả các biến đổi khác đều nhằm bảo toàn cách phát âm của từ gốc ban đầu. Ví dụ:

**Tocar** có chữ cái C đọc cứng nhưng khi chia vào một số dạng động từ thì nó có thể kết hợp với i hoặc e sẽ bị biến sang kiểu C đọc mềm, để bảo toàn nó bị biến thành QU: **tocar** (tô-ca-r)» **toque** (tô-kê). Lúc này QU sẽ đóng vai trò bảo toàn phát âm cho C cứng.

**Llegar** có âm G đọc cứng cần phải bảo toàn, nhưng khi chia động từ nếu G gặp i hoặc e nó bị biến đổi sang kiểu G đọc mềm, để giữ cách phát âm ban đầu nó phải biến thành GU: **llegar** (dê-ga-r)» **llegue** (dê-ghê). GU sẽ đóng vai trò bảo toàn phát âm cho G cứng.

#### 4. TIẾNG TÂY BAN NHA Ở TÂY BAN NHA

Nghe có vẻ buồn cười nhưng thực sự có một sự khác biệt không hề nhẹ về từ vựng, phát âm giữa các nước nói tiếng Tây Ban Nha. Chỉ một ngôn ngữ nhưng có hàng chục quốc gia chọn làm tiếng nói chính thức, do vậy xảy ra sự phân tán cực kì mạnh. Người học buộc phải theo một trường phái nhất định nào đấy. Tiếng Tây Ban Nha chính thống có thể là một sự lựa chọn cực kì tốt. Nếu chọn hướng này thì cần lưu ý mấy điểm sau:

- Z và C mềm được phát âm là **th** thay vì **x** như ở các quốc gia khác.
- J và G mềm được phát âm thành **kh** thay vì **h** như một số quốc gia khác.

Một số hướng đi cho người mới nhập môn:

- Tiếng TBN chính thống, nơi sản sinh ra thứ tiếng này chắc chắn sẽ xếp vào hàng tiêu chuẩn, đất nước phát triển, tuy nhiên số người nói lại ít.
- Tiếng TBN của México, một quốc gia lớn, kinh tế mạnh, một lựa chọn không tồi, đặc biệt cách phát âm của họ rất rõ ràng, tài liệu nhiều vô số. Chỉ là từ vựng nhiều phần quái lạ và khó áp dụng được vào các nước khác.
- Tiếng TBN của Brasil, một đất nước giàu có, đa văn hóa, đại diện cho cả vùng Mỹ Latin nên rất là lợi thế khi học, tuy nhiên bị ảnh hưởng mạnh từ tiếng Bồ Đào Nha (Người Brasil nói cùng lúc 02 thứ tiếng) cho nên từ vựng cực kì hỗn loạn, dân trong cùng một nước còn chưa hiểu nhau nữa là người ngoài.
- Tiếng TBN của Hoa Kỳ, do cộng đồng người nói tiếng TBN di cư đến, bị tiếng Anh ảnh hưởng nhiều cho nên từ vựng một phần rất giống tiếng Anh, tuy nhiên không phải thứ tiếng chính thức nên không được hỗ trợ nhiều.

#### 5. MẸO PHÁT ÂM

Khi tập luyện, nhất định phải giữ cho nguyên âm rõ, ngắn và dứt khoát, không rê ra kéo dài.

Chú ý âm R, cố gắng đọc nó thật giòn, không lúng búng trong miệng như chữ R của tiếng Anh hay của tiếng Việt (giọng Bắc Bộ: R biến thành GI không thể áp dụng vào đây được)

Chữ cái P và T đọc nhẹ thôi, đặt tờ giấy trước miệng khi phát âm mà nó không nhúc nhích là được.

Chú ý chữ cái Z như là phần con của chữ cái S, tiếng TBN không có âm 'zét'.

Tiếng TBN chú trọng nhịp điệu, trọng âm rất quan trọng, và đặc biệt là phải nổi âm nếu có thể.

Vậy là tạm hết, chúc bạn học vui vẻ và cảm thấy tài liệu này thực sự bổ ích.  
Hẹn gặp lại ở kì sau về chủ đề "**Danh từ, Mạo từ và Tính Từ**" trong tiếng TBN

*Chú ý: Tài liệu này được làm ra với mục đích chia sẻ kinh nghiệm, phi lợi nhuận. Các bạn có thể xem trực tuyến, in ra làm tài liệu tham khảo cho bản thân nhưng tuyệt đối không được mua bán dưới mọi hình thức (tải lên các trang ebook bắt mua xèng để tải về, photo hàng loạt rồi bán, v.v.). Hành vi xâm phạm công lao thì càng không được phép (Xóa tên mình trong tài liệu rồi thay tên khác vào rồi đi phân phối lại chẳng hạn).*

*Bản thân mình khi làm tài liệu này cũng đã là vi phạm bản quyền của tác giả gốc khi dịch sang tiếng Việt rồi phân phát miễn phí như thế này mà chưa xin phép họ, do vậy để tội lỗi của mình ở mức thấp nhất các bạn vui lòng thực hiện quy định trên. Muôn phần cảm ơn và cảm kích.*

## PHỤ BẢN 01: HƯỚNG DẪN CÀI ĐẶT BÀN PHÍM VÀ ĐÁNH MÁY (DÀNH CHO HỆ ĐIỀU HÀNH WINDOWS)

- Mở cài đặt **Control Panel** -> **Clock, Language and Region** -> **Language** -> **Add a language**
- Tìm đến mục **Spanish (español)**, chọn **Spanish (Spain)**, bấm **Add**. Thanh công cụ ngôn ngữ xuất hiện chữ **ESP** (bên cạnh **VIE, ENG**)
- Về cơ bản bàn phím gõ như tiếng Anh như sẽ có thêm 1 số kí tự đặc biệt
  - Dấu than ngược ; : phím [+]
  - Dấu hỏi ngược ¿ : nhấn tổ hợp [SHIFT] + [+]
  - Dấu ? : nhấn tổ hợp [SHIFT] + [-]
  - Chữ ñ : nhấn phím [,] , Ñ = [SHIFT] + [,]
  - Dấu trọng âm: nhấn ['] + nguyên âm. Ví dụ: á = ['] + [a], Á = ['] + [SHIFT] + [a]
  - Dấu bảo toàn âm: nhấn [SHIFT] + ['] + nguyên âm. Ví dụ: ü = [SHIFT] + ['] + [u]
  - Các dấu đặc biệt nằm ở phím số, kết hợp phím [SHIFT]
- Để chuyển bàn phím về tiếng Anh bấm tổ hợp phím [WIN] + [SPACE], bảng phụ xuất hiện, lặp lại đến khi nào nó đến chữ **ENG** thì dừng.
- Lưu ý khi gõ thì bộ gõ Unikey phải ở chế độ tiếng Anh, nếu để tiếng Việt sẽ không gõ được dấu trọng âm và dấu bảo toàn âm.

The screenshot shows the Windows keyboard layout selection menu. The menu is open, showing options for ENG (English (United States) US keyboard), Chinese (Simplified, China) 搜狗拼音输入法, ESP (Spanish (Spain) Spanish keyboard), and VIE (Vietnamese (Vietnam) Vietnamese keyboard). The ESP option is highlighted. The background shows the Word document with the same text as above.

**PHỤ BẢN 02: BẢNG CHỮ CÁI VÀ TÊN GỌI CỦA CÁC CHỮ CÁI**

| Chữ cái | Tên gọi   | Chữ cái | Tên gọi  |
|---------|-----------|---------|----------|
| A       | A         | N       | Ene      |
| B       | Be grande | Ñ       | Eñe      |
| C       | Ce        | O       | O        |
| CH      | Che       | P       | Pe       |
| D       | De        | Q       | Cu       |
| E       | E         | R       | Ere      |
| F       | Efe       | RR      | Erre     |
| G       | Ge        | S       | Ese      |
| H       | Hache     | T       | Te       |
| I       | I         | U       | U        |
| J       | Jota      | V       | Ve corta |
| K       | Ca        | W       | Doble u  |
| L       | Ele       | X       | Equis    |
| LL      | Elle      | Y       | I griega |
| M       | Eme       | Z       | Ceta     |

**PHỤ BẢN 03: MỘT SỐ CÂU CHÀO HỎI THÔNG DỤNG**

|                            |                        |
|----------------------------|------------------------|
| ❖ ¡Hola!                   | Xin chào!              |
| ❖ Buenos días.             | Chào buổi sáng.        |
| ❖ Buenas tardes.           | Chào buổi trưa.        |
| ❖ Buenas noches.           | Chào buổi tối.         |
| ❖ Me llamo Susana.         | Tên tôi là Susan.      |
| ❖ ¿Cómo se llame usted?    | Bạn tên là gì?         |
| ❖ Me llamo David.          | Tôi tên là David.      |
| ❖ Mucho gusto.             | Rất vui được gặp bạn.  |
| ❖ ¿Cómo está usted?        | Bạn thế nào?           |
| ❖ Bien, gracias, ¿y usted? | Khỏe, cảm ơn, còn bạn? |
| ❖ Regular. Más o menos.    | Bình thường. Tàm tàm.  |
| ❖ Hasta luego.             | Gặp lại sau.           |
| ❖ Hasta mañana.            | Mai gặp lại.           |
| ❖ Hasta pronto.            | Gặp lại sớm.           |
| ❖ Adiós.                   | Tạm biệt.              |

HẾT.

Thông tin tài liệu:

Cỡ giấy: A4

Căn lề: 1in cho 4 lề

Số trang: 8